TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 67/2024/QĐST- D1*, ngày 10 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02/4/2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 537/2023/TLST-DS ngày 08/11/2023 về việc *" tranh chấp đòi tài sản"*.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:**

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn S sinh năm 1960, bà Trần Thị Hồng T sinh năm 1979, bà Trần Thị Hồng C sinh năm 1982, bà Trần Thị Cẩm H sinh năm 1989; địa chỉ: Số C đường B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng T1 sinh năm 1999; địa chỉ: C đường B phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 23/3/2024, số công chứng 002644 tại Văn phòng C1)

- Bị đơn: Bà Võ Thị S1 sinh năm 1961; địa chỉ: Số H H, Khu phố B, phường P, Quận G, Tp ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thanh T2 sinh năm 1980, ông Nguyễn Thanh T3 sinh năm 1983, ông Nguyễn Thành T4 sinh năm 1986, ông Nguyễn Văn T5 sinh năm 1958; địa chỉ: Số 891/55/5 Khu phố 2, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Võ Thị S1 xác nhận có vay của bà Nguyễn Thị N số tiền 320.000.000 đồng, tiền lãi là 1.800.000 đồng/tháng. Việc vay mượn không có giấy tờ, không có người làm chứng.

2.2. Bà Võ Thị S1 xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 320.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 10/2023 đến tháng 03/2024 với số tiền là 6 tháng x 1.800.000 đồng = 10.800.000 đồng.

Bà Võ Thị S1 sẽ trả nợ gốc là 320.000.000 đồng vào ngày 20/02/2025, còn tiền nợ lãi bà sẽ thanh toán với cách thức như sau:

1. Ngày 20/04/2024 thanh toán 1.800.000 đồng;
2. Ngày 20/05/2024 thanh toán 12.600.000 đồng;
3. Ngày 20/06/2024 thanh toán 1.800.000 đồng;
4. Ngày 20/07/2024 thanh toán 1.800.000 đồng;
5. Ngày 20/08/2024 thanh toán 1.800.000 đồng;
6. Ngày 20/09/2024 thanh toán 1.800.000 đồng;
7. Ngày 20/10/2024 thanh toán 1.800.000 đồng;
8. Ngày 20/11/2024 thanh toán 1.800.000 đồng;
9. Ngày 20/12/2024 thanh toán 1.800.000 đồng;
10. Ngày 20/01/2025 thanh toán 1.800.000 đồng;

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nếu bà Võ Thị S1 vi phạm bất kỳ thời hạn thanh toán nào như đã thỏa thuận nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền buộc bà Võ Thị S1 thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Võ Thị S1 sinh năm 1961 nên căn cứ Điểm đ, Khoản 2, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; Bà Võ Thị S1 được miễn án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự. H1 lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0037498 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Xuân Duyên